TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17 – 8 – 2023
" V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trần Thị Thu Hà.

2/ Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trương Tuyết Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long: *không tham gia phiên tòa*.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 307/TLST - HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023 về "*Tranh chấp ly hôn*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 186/2023/QĐXX - ST ngày 13 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 117/2023/QĐST – HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1993 (Vắng có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp Thạnh Hải, xã Thanh Hải, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn*: Anh **Trần Thanh T**, sinh năm: 1987 (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp Bình Phụng, xã Trung Hiệp, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:***

- *Về mối quan hệ hôn nhân:* Chị và anh T hôn nhân hình tHnh là do tự tìm hiểu có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trung Hiệp vào ngày 27/11/2015. Sau khi cưới chị và anh T sống bên gia đình anh T. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất

đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cự cải, không còn hạnh phúc. Chị và anh T đã ly thân từ tháng 01 năm 2021 đến nay.

Nay chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

- *Về con chung:* Có 01 con chung tên Trần Ngọc Hân, sinh ngày 18/3/2017 hiện nay đang sống chung với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi con không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung; nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Trần Thanh T vắng mặt tại phiên Tòa, không có lý do không vì sự kiện bất khả kháng, không cung cấp bảng khai ý kiến về các vấn đề của nguyên đơn yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án không tiến Hnh thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã tHnh niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần. Căn cứ vào khoản 2, Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia phiên tòa.

[2] Xét thấy, nguyên đơn chị H có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 228; điểm a, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Xét việc bị đơn anh T được triệu tập hợp lệ tham dự phiên hòa giải, thông báo về việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và ngày giờ xét xử đến lần thứ hai, nhưng bị đơn cố tình vắng mặt không có lý do. Xét thấy, có thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn; Hội đồng xét xử, quyết định xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Hội đồng xét thấy, giữa chị H anh T có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa chị H anh T có nhiều mâu thuẫn như: Vợ chồng thường hay cự cãi vì bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Chị H anh T đã ly thân với nhau từ năm 2021 đến nay. Từ đó làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Tòa án đã triệu tập anh T nhiều lần, để hòa giải nhằm giúp hai bên có thời gian, có cơ hội hàn gắn tình cảm, nhưng anh T cố tình tránh né không đến Tòa án.

Từ đó, cho thấy anh T không có thiện chí Hn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử, xét thấy hôn nhân giữa chị H anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; nên chị H yêu cầu xin ly hôn với anh T là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.1] Về con chung: Chị H xác định chị và anh T có 01 con chung tên Trần Ngọc Hân, sinh ngày 18/3/2017, khi ly hôn chị H yêu cầu nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy cháu Hân sống với chị H từ nhỏ cuộc sống ổn định, cháu phát triển bình thường. Nên giao cháu Hân cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không có yêu cầu.

[3.2] Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu giải quyết. Bị đơn anh T không có ý kiến phản bác nên Hội đồng đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết. Bị đơn anh T không có ý kiến phản bác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về án phí sơ thẩm: Chị H phải nộp án phí là: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; 228; 238 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 9; Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Trần Thanh T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc Hân, sinh ngày 18/3/2017 cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Trần Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số N^0 0009505, ngày 31/5/2023 của Chi cục thi Hnh án dân sự huyện V, chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ không phải nộp thêm.

- Anh Trần Thanh T không phải nộp án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
-VKSND huyện V;
-Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Cường